

Số: 04 /2024/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về điều kiện, định mức hỗ trợ giao đất để làm nhà ở, đất sản xuất cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án Chương

trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban Dân tộc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện một số nội dung thuộc dự án 1 và tiểu dự án 1, dự án 4 của chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 01/TTr-STNMT-CCQLĐĐ ngày 02/01/2024 và Văn bản số 645/STNMT-CCQLĐĐ ngày 05/02/2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về điều kiện, định mức hỗ trợ giao đất để làm nhà ở, hỗ trợ đất sản xuất cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn (sau đây viết tắt là ĐBK) vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (sau đây viết tắt là DTTS&MN) trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã ĐBK, thôn ĐBK vùng đồng bào DTTS&MN chưa có đất ở.

2. Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã ĐBK, thôn ĐBK vùng đồng bào DTTS&MN sinh sống bằng nghề nông, lâm, ngư nghiệp chưa có đất sản xuất, có nhu cầu hỗ trợ đất sản xuất thì được xem xét hỗ trợ trực tiếp bằng đất sản xuất.

Các hộ thuộc đối tượng hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất nhưng chính quyền địa phương không bố trí được đất sản xuất, có nhu cầu vay vốn để tạo quỹ đất sản xuất thì được xem xét vay vốn tín dụng từ Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại các Điều 20, 21, 22, 23, 24 và 25 Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26

tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025 và không được hỗ trợ chuyển đổi nghề.

3. Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng DTTS&MN; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã ĐBK, thôn ĐBK vùng đồng bào DTTS&MN sinh sống bằng nghề nông, lâm, ngư nghiệp chưa có hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo định mức quy định tại Điều 5 Quyết định này, có nhu cầu chuyển đổi nghề hoặc có nhu cầu hỗ trợ đất sản xuất nhưng không bố trí được đất sản xuất thì được xem xét, hỗ trợ chuyển đổi nghề.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Công khai, minh bạch, dân chủ từ cơ sở, đúng đối tượng, đúng định mức, không chồng chéo, phát huy tinh thần vươn lên của người dân và cộng đồng.

2. Ưu tiên các đối tượng khó khăn hơn như: các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù.

Điều 4. Định mức hỗ trợ giao đất để làm nhà ở

Căn cứ nhu cầu sử dụng đất của các hộ thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách, khả năng đáp ứng quỹ đất và ngân sách của từng địa phương, UBND cấp huyện xem xét việc giao đất để làm nhà ở cho mỗi hộ gia đình chưa có đất ở là từ 60m²/hộ đến 200m²/hộ.

Điều 5. Định mức hỗ trợ giao đất sản xuất

1. Trường hợp địa phương còn quỹ đất có khả năng sản xuất mà không cần phải thực hiện khai hoang, phục hóa, cải tạo đất, UBND cấp huyện căn cứ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thực hiện giao đất sản xuất cho các hộ thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách chưa có đất sản xuất theo quy định của pháp luật về đất đai với định mức giao đất sản xuất cho mỗi hộ gia đình chưa có đất sản xuất như sau:

a) Đất trồng cây hàng năm:

- Đất trồng lúa: 0,2 ha/hộ;

- Đất trồng cây hàng năm khác: 0,25 ha/hộ.

b) Đất trồng cây lâu năm: 0,5 ha/hộ.

c) Đất nuôi trồng thủy sản: 0,5 ha/hộ.

d) Đất rừng sản xuất: 1,0 ha/hộ.

2. Trường hợp hộ gia đình được giao nhiều loại đất thì diện tích các loại đất được giao không được vượt quá định mức giao đất sản xuất quy định tại khoản 1 Điều này, đồng thời tổng diện tích các loại đất được giao đất không quá 2,0 ha/hộ.

3. Hộ gia đình thiếu đất sản xuất là hộ gia đình thiếu trên 50% đất sản xuất theo định mức của các loại đất quy định tại khoản 1 Điều này.

Trường hợp hộ gia đình có nhiều loại đất thì xác định hộ gia đình thiếu trên 50% đất sản xuất theo định mức quy định tại khoản 2 Điều này.



Điều 6. Điều kiện về hỗ trợ giao đất làm nhà ở, đất sản xuất

1. Không hỗ trợ giao đất làm nhà ở, đất sản xuất đối với các hộ đã nhận hỗ trợ đất ở, đất sản xuất từ các chương trình, chính sách trước đây nhưng đến nay đã chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất.

2. Các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã ĐBK, thôn ĐBK vùng đồng bào DTTS&MN được hỗ trợ đất ở để làm nhà ở, đất sản xuất phải sử dụng đúng mục đích được nhà nước giao đất.

Đối với các hộ đồng bào dân tộc thiểu số sử dụng đất do được Nhà nước giao đất theo chính sách hỗ trợ chỉ được chuyển nhượng, tặng, cho quyền sử dụng đất sau 10 năm kể từ ngày có quyết định giao đất nếu được UBND cấp xã nơi có đất xác nhận không còn nhu cầu sử dụng do chuyển khỏi nơi cư trú để đến nơi khác hoặc do chuyển sang nghề khác hoặc không còn khả năng lao động.

3. Việc giao đất ở phải gắn phương án làm nhà ở trên diện tích đất được giao, tránh tình trạng các hộ được giao đất ở nhưng lại không có nhà ở.

Điều 7. Tổ chức triển khai thực hiện

1. Ban Dân tộc tỉnh

a) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện.

b) Kiểm tra và theo dõi việc thực hiện bảo đảm đúng đối tượng, đúng quy định hiện hành về hỗ trợ giao đất làm nhà ở, đất sản xuất theo quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban Dân tộc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

c) Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Quyết định này.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện thủ tục giao đất cho các hộ dân tộc thiểu số nghèo và hộ người

Kinh nghèo sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Trong quá trình lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, UBND cấp huyện có trách nhiệm rà soát, nghiên cứu bố trí các quỹ đất ở, đất sản xuất cho phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng được nhu cầu cho các đối tượng thụ hưởng chính sách theo quy định.

b) Bố trí ngân sách của địa phương và thực hiện việc giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ được hỗ trợ giao đất làm nhà ở, đất sản xuất theo đúng đối tượng, đúng quy định của pháp luật.

c) Chỉ đạo UBND cấp xã: có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời việc người sử dụng đất được hỗ trợ chuyển quyền sử dụng đất trái phép, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép, sử dụng không đúng mục đích đã được Nhà nước hỗ trợ giao đất.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2024.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban ngành tỉnh; Trưởng ban Dân tộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như khoản 3 Điều 8;
- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các đoàn thể chính trị, xã hội tỉnh;
- Đài phát thanh, truyền hình Khánh Hòa;
- Trung tâm Công báo Khánh Hòa;
- Báo Khánh Hòa;
- Lưu: VT. 52

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Hòa Nam